

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỀN
NGƯỜI DẠY: NGUYỄN THỊ LINH
LỚP DẠY: 10/3,7,8,9
THỜI GIAN: TUẦN 23

CHƯƠNG X: ĐỊA LÍ NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN
TIẾT 45 - Bài 23: VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ
PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau bài này, HS sẽ

- Trình bày được vai trò và đặc điểm của các ngành trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng sự phát triển và phân bố ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở địa phương.
- Phân tích sơ đồ nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ học tập như khai thác hình ảnh, video để trả lời câu hỏi. Biết lưu giữ thông tin, chủ động ghi chép lại những nội dung chính của bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự giác để thảo luận với HS khác về vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đồng thời đánh giá, nhận xét được kết quả học tập của HS khác. Sử dụng ngôn ngữ phù hợp để báo cáo kết quả học tập.

b. Năng lực đặc thù:

- Nhận thức khoa học địa lí:
 - + Trình bày được vai trò và đặc điểm của các ngành trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
 - + Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng sự phát triển và phân bố ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
- Tìm hiểu địa lí:
 - Phân tích sơ đồ nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
 - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở địa phương.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu nhiệm vụ học tập

- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập vận dụng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Giáo án, 1 số bản đồ.
- Phiếu học tập.

2. Học liệu

- Bút màu.
- Giấy note

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu

(Nhóm/ Trò chơi/ 5 phút)

a. Mục tiêu:

- Tạo kết nối, kiểm tra kiến thức tích lũy của học sinh với nội dung bài học.
- Khơi gợi sự hứng thú, tính tò mò để học sinh học tập tích cực, sáng tạo hơn.

b. Nội dung:

HS tham gia trò chơi “AI NHANH HƠN”

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đưa ra tình huống:
GV nêu nhiệm vụ, hãy thiết kế thực đơn 7 món ăn dành cho bữa trưa, đảm bảo đủ dinh dưỡng cho gia đình.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** GV mời 4 HS cùng lên bảng ghi thực đơn.
- **Báo cáo, thảo luận:** : 4 HS cùng trình bày trong 1 phút. Cả lớp cổ vũ.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp, dẫn dắt vào bài.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu vai trò ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (cá nhân/ khai thác trực quan / 10 phút)

a. Mục tiêu

Trình bày được vai trò của ngành nông nghiệp lâm nghiệp, thủy sản.

b. Nội dung:

Hs quan sát hình ảnh và kiến thức bản thân trình bày vai trò

c. Sản phẩm

NỘI DUNG

1. Vai trò: Rất quan trọng không ngành nào thay thế được:

- Khai thác hiệu quả nguồn lực để phát triển kinh tế
- Cung cấp sản phẩm nông, lâm, thủy sản cho tiêu dùng và sản xuất.
- Là thị trường tiêu thụ của các ngành kinh tế khác, kích thích các ngành kinh tế khác phát triển

- Sản xuất ra những mặt hàng có giá trị xuất khẩu, tăng thêm nguồn thu ngoại tệ
- Có vai trò quan trọng trong giữ cân bằng sinh thái và bảo vệ môi trường.

d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK, số liệu, quan sát hình ảnh để nêu vai trò của ngành nông nghiệp
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc SGK, hoàn thành nhiệm vụ học tập. GV hỗ trợ, giúp đỡ
- **Báo cáo, thảo luận:** : GV gọi HS báo cáo kết quả học tập trước lớp theo vòng tròn để các HS khác nhận xét, bổ sung kết quả
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp, chốt kiến thức ghi bài.



Hoạt động 2.2: Tìm hiểu đặc điểm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (Cặp đôi/ khai thác trực quan / 10 phút)

a. Mục tiêu

Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành nông nghiệp lâm nghiệp, thủy sản.

b. Nội dung

Hs thảo luận cặp đôi về đặc điểm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

c. Sản phẩm

NỘI DUNG
2. Đặc điểm: - Đất trồng và mặt nước là tư liệu sản xuất chủ yếu của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. - Đối tượng của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là các sinh vật, cơ thể sống. Sản xuất được tiến hành trong không gian rộng - Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên và có tính mùa vụ. Tuy nhiên với sự phát triển của khoa học-công nghệ, sự phụ thuộc của ngành vào điều kiện tự nhiên ngày càng giảm. - Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ngày càng gắn với khoa học-công nghệ, liên kết sản xuất và hướng tới nền nông nghiệp xanh.

d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi các nhiệm vụ sau:
 - + Nêu các đặc điểm của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Tại sao nói sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có tính mùa vụ? Làm thế nào để giảm sự phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên?

- + Nền nông nghiệp xanh được hiểu như thế nào?
- +Nêu suy nghĩ của em về một số vấn đề nóng trong việc sử dụng các chất cấm trong nông nghiệp để nâng cao năng suất cây trồng vật nuôi, phá rừng bừa bãi trong lâm nghiệp, dùng bom mìn, bắt quai trong đánh bắt thủy sản?.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các cặp đôi thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ học tập. GV hỗ trợ, giúp đỡ.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho 2 HS xung phong báo cáo kết quả thực hành để đối chiếu.
- **Kết luận, nhận định:** GV chọn một cặp đôi HS báo cáo kết quả học tập trước lớp. Các cặp đôi HS khác nhận xét, bổ sung kết quả

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

(Nhóm/ thảo luận, mảnh ghép, khai thác trực quan/ 13 phút)

a. Mục tiêu

- + Phân tích được các nhân tố tự nhiên và các nhân tố KT – XH ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.
- + Khai thác bản đồ tự nhiên để thấy được ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên và điều kiện KT – XH đối với sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

b. Nội dung

HS nghiên cứu SGK, hình ảnh thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ học tập

c. Sản phẩm

NỘI DUNG
II. Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố nông nghiệp. 1. Nhân tố tự nhiên: là tiền đề cơ bản để phát triển và phân bố nông nghiệp. Gồm: - Đất đai: tính chất và độ phì của đất ảnh hưởng đến năng suất và phân bố cây trồng vật nuôi. - Địa hình: ảnh hưởng tới quy mô và hình thức canh tác - Khí hậu : ảnh hưởng tới cơ cấu cây trồng, tính mùa vụ và hiệu quả sản xuất - Nguồn nước: cung cấp phù sa, nước tưới cho sản xuất là điều kiện không thể thiếu được trong sản xuất thủy sản. - Sinh vật: cơ sở tạo giống cây trồng, vật nuôi 2. Các nhân tố kinh tế - xã hội: có ảnh hưởng quan trọng đến phát triển và phân bố nông nghiệp. - Dân cư - lao động: vừa là lực lượng sản xuất vừa là nguồn tiêu thụ các nông sản

- Sở hữu ruộng đất: con đường phát triển nông nghiệp, hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp.
- Tiến bộ KHKT trong nông nghiệp: giúp chủ động trong sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sản lượng.
- Thị trường tiêu thụ: ảnh hưởng đến giá cả nông sản, điều tiết sản xuất và hướng chuyên môn hóa.

d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm 2 bàn HS, hướng dẫn HS thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập theo hình thức mảnh ghép.
- Vòng chuyên gia: Mỗi nhóm chia ra thành 2 nhóm nhỏ chuyên gia, giao nhiệm vụ nghiên cứu hình ảnh, SGK để hoàn thành tìm hiểu một nội dung về cơ cấu kinh tế
 - + **Chuyên gia 1:** Nông nghiệp chịu ảnh hưởng của những nhân tố tự nhiên nào? Ảnh hưởng của những nhân tố đó tới hoạt động nông nghiệp ra sao?
 - Khí hậu của địa phương cho phép trồng các loại cây trồng gì?
 - + **Chuyên gia 2:** Nông nghiệp chịu ảnh hưởng của những nhân tố kinh tế- xã hội nào? Ảnh hưởng của những nhân tố đó tới hoạt động nông nghiệp ra sao? - Lấy ví dụ thức tế chứng minh tác động của nhân tố tiến bộ khoa học kỹ thuật đến phát triển nông nghiệp ở địa phương.
- Vòng mảnh ghép: Các chuyên gia nghiên cứu SGK, thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ học tập lên giấy A3.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm tiến hành nghiên cứu SGK, thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ học tập trên giấy A3. GV hỗ trợ, giúp đỡ
- **Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm đổi sản phẩm đánh giá lẫn nhau. Sau đó GV chọn một nhóm được đánh giá cao nhất lên báo cáo kết quả học tập trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung kết quả.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá hoạt động của các nhóm, nhận xét đánh giá kết quả của
- nhóm báo cáo. Sau đó GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 3: Luyện tập (Think-Pair-share-5 phút)

a. Mục tiêu

- củng cố kiến thức bài học
- Phát triển năng tư duy, phản biện, giao tiếp

b. Nội dung

- HS trả lời câu hỏi: Trong các nhân tố ảnh hưởng, nhân tố nào có vai trò quyết định xu hướng phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của một lãnh thổ? Tại sao?

c. Sản phẩm

- Dự kiến câu trả lời của học sinh.

Nhân tố KT-XH quyết định vì

- Dân cư - lao động: vừa là lực lượng sản xuất vừa là nguồn tiêu thụ các nông sản

- Sở hữu ruộng đất: con đường phát triển nông nghiệp, hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp.

- Tiến bộ KHKT trong nông nghiệp: giúp chủ động trong sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sản lượng.

- Thị trường tiêu thụ: ảnh hưởng đến giá cả nông sản, điều tiết sản xuất và hướng chuyên môn hóa.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi:

Trong các nhân tố ảnh hưởng, nhân tố nào có vai trò quyết định xu hướng phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của một lãnh thổ? Tại sao?

- GV yêu cầu Hs nghiên cứu trong vòng 1 phút, sau đó chia sẻ với bạn bên cạnh trong vòng 1 phút và cuối cùng chia sẻ trước lớp

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs nghiên cứu trong vòng 1 phút, sau đó chia sẻ với bạn bên cạnh trong vòng 1 phút và cuối cùng chia sẻ trước lớp

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, Hs bổ sung

- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả, tổng kết hoạt động.

Hoạt động 4: Vận dụng

(Cá nhân/ Nêu vấn đề, động não/ 2 phút)

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập ở nhà theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời cho yêu cầu được đưa ra ở mục tổ chức thực hiện.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu học sinh về nhà tìm hiểu một loại cây trồng được trồng nhiều ở địa phương em(Vai trò, giải thích vì sao trồng nhiều...)

Thực hiện nhiệm vụ: HS nhận nhiệm vụ học tập.

- **Báo cáo, kết luận:** thực hiện vào tiết học tiếp theo.

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN
NGƯỜI DẠY: NGUYỄN THỊ LINH
LỚP DẠY: 10/3,7,8,9
THỜI GIAN: TUẦN 23-24

TIẾT 46- 47. Bài 24: ĐỊA LÍ NGÀNH NÔNG NGHIỆP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- + Trình bày được vai trò, đặc điểm ngành trồng trọt và phân bố cây trồng chủ yếu trên thế giới.
- + Trình bày được vai trò, đặc điểm ngành chăn nuôi và phân bố vật nuôi chủ yếu trên thế giới.
- + Vận dụng kiến thức giải thích được sự phân bố của cây trồng và vật nuôi trên thế giới.
- + Đọc được bản đồ phân bố cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung:

❖ Tự học tự chủ:

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp.
- Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.

❖ Giao tiếp hợp tác:

- Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá các vấn đề.
- Biết chủ động trong giao tiếp, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.

❖ Sử dụng CNTT và truyền thông: Có thể sử dụng các phương tiện công nghệ để hỗ trợ tìm kiếm thông tin liên quan đến nội dung bài học

b. Năng lực địa lí

❖ Nhận thức khoa học địa lí:

- + Trình bày được vai trò, đặc điểm ngành trồng trọt và phân bố cây trồng chủ yếu trên thế giới.
- + Trình bày được vai trò, đặc điểm ngành chăn nuôi và phân bố vật nuôi chủ yếu trên thế giới.

❖ Tìm hiểu địa lí:

Đọc được bản đồ phân bố cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới.

❖ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

- + Vận dụng kiến thức giải thích được sự phân bố của cây trồng và vật nuôi trên thế giới.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập vận dụng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Giáo án, 1 số bản đồ.
- Phiếu học tập.

2. Học liệu:

Vở ghi, giấy note

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu

(Nhóm/ trò chơi/ 7 phút)

a. Mục tiêu:

- Tạo kết nối, kiểm tra kiến thức tích lũy của học sinh với nội dung bài học.
- Khơi gợi sự hứng thú, tính tò mò để học sinh học tập tích cực, sáng tạo hơn.

b. Nội dung:

- HS chơi trò chơi “ AI TINH MẮT HƠN ”

c. Sản phẩm:



Đáp án

Những từ khoá này nói đến chủ đề nào?

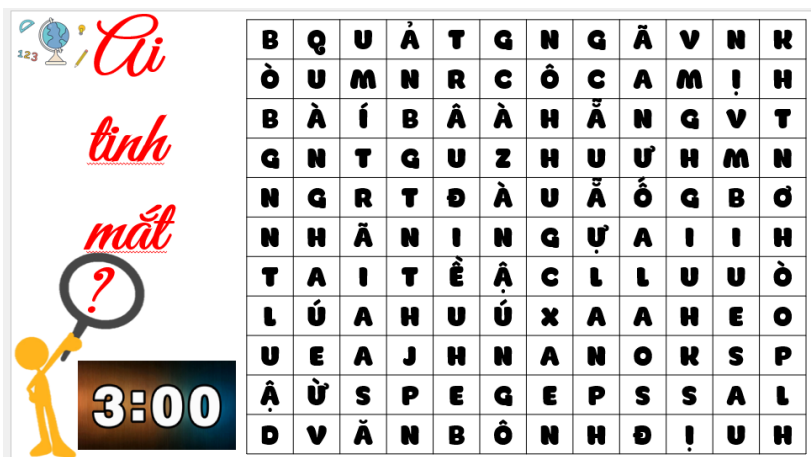
Nông nghiệp

B	Q	U	Ả	T	Q	N	G	Ã	V	N	K
Ò	U	M	N	R	C	Ô	C	A	M	!	H
B	À	Í	B	Â	À	H	Ã	N	G	V	T
G	N	T	Q	U	Z	H	U	Ư	H	M	N
N	G	R	T	Đ	À	U	Ã	Ô	G	B	Ơ
N	H	Ã	N	I	N	G	Ự	A	I	I	H
T	A	I	T	Ề	Ậ	C	L	L	U	U	Ò
L	Ú	A	H	U	Ú	X	A	A	H	E	O
U	E	A	J	H	N	A	N	O	K	S	P
Ậ	Ừ	S	P	E	Q	E	P	S	S	A	L
D	V	Ã	N	B	Ô	N	H	Đ	!	U	H

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi “ Ai tinh mắt”, trong vòng 3 phút tìm từ khóa về chủ đề cây trồng vật nuôi



Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ trả lời

- **Báo cáo, thảo luận:** Hs trả lời, Hs khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung

Kết luận, nhận định: GV tổng kết, khen ngợi HS và để dẫn dắt HS vào bài mới.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về vai trò và cơ cấu ngành trồng trọt.

(Cá nhân/ khai thác trực quan/15 phút)

a. Mục tiêu

- Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành trồng trọt.
- Giải thích được sự phân bố của các loại cây trồng chính

b. Nội dung

- HS hoạt động cá nhân/cặp đôi/nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập

c. Sản phẩm

I. Ngành trồng trọt

1. Vai trò:

- + Tạo việc làm, giúp ổn định cuộc sống cho một bộ phận lớn cư dân nông thôn
- + Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người, nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến. Là cơ sở để phát triển chăn nuôi và là mặt hàng xuất khẩu có giá trị
- + Góp phần đảm bảo an ninh lương thực, ổn định xã hội và bảo vệ môi trường.

2.Đặc điểm:

- Sự phát triển và phân bố ngành trồng trọt phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện tự nhiên và có tính mùa vụ.
- Cây trồng được chia thành các nhóm: cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp, cây ăn quả...

- Việc bảo quản sản phẩm của ngành trồng trọt đòi hỏi nhiều về đầu tư và công nghệ
- Ngành trồng trọt ngày càng gắn chặt với sự tiến bộ của khoa học-công nghệ

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Cá nhân

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho học sinh đọc mục 1 SGK, nêu vai trò của ngành trồng trọt
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV chỉ định học sinh trả lời câu hỏi, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức.

Nhiệm vụ 2: Cặp đôi

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho Hs thảo luận cặp đôi, tìm hiểu đặc điểm của ngành trồng trọt? Lấy ví dụ?
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận cặp đôi chọn ý kiến thống nhất để trả lời câu hỏi.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV chỉ định 1 cặp học sinh lên bảng ghi lại câu trả lời để đối chiếu, nhận định kết quả.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức, hướng dẫn thông tin ghi bài.

Nhiệm vụ 3: Chuyên gia-mảnh ghép

CHUYÊN GIA

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho chia lớp thành 2 cụm mỗi cụm 2 nhóm nhỏ thảo luận nhiệm vụ như sau:
- **Chuyên gia 1:** + *Kể tên các loại cây lương thực chính?*
+ *Đặc điểm sinh thái của từng loại cây lương thực chính*
- **Chuyên gia 2:** + *Kể tên các loại cây công nghiệp chính?*
+ *Đặc điểm sinh thái của từng loại cây công nghiệp chính*

Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận hoàn thành phiếu học tập.

MẢNH GHÉP

Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho chia lớp thành 2 cụm mỗi cụm 2 nhóm nhỏ mới ghép từ chuyên gia thảo luận nhiệm vụ như sau: ***Quan sát hình 24.3, 24.5 điền vào phiếu học tập***

Cây lương thực chính	Phân bố chủ yếu	Giải thích
Lúa gạo		
Lúa mì		
Ngô		

Cây công nghiệp chính		
Mía		
Cao su		
Cà phê		
Chè		
Đậu tương		

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận hoàn thành phiếu học tập.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho các nhóm đối chéo sản phẩm, bổ sung nếu có.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức, hướng dẫn thông tin ghi bài.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về ngành chăn nuôi.

(Cá nhân/Cặp đôi/ khai thác trực quan/15 phút)

a. Mục tiêu

- Trình bày được vai trò của ngành chăn nuôi.
- Giải thích được sự phát triển và phân bố của ngành chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào cơ sở thức ăn.
- Trình bày và giải thích được vai trò, đặc điểm và sự phân bố của các ngành chăn nuôi: gia súc, gia cầm

b. Nội dung

- HS hoạt động cá nhân/cặp đôi/nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập

c. Sản phẩm

I. Ngành trồng trọt

1. Vai trò:

- Cung cấp thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao cho con người như: thịt, trứng, sữa,...
- Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp.
- Tạo mặt hàng xuất khẩu thu ngoại tệ, tăng GDP đất nước
- Thúc đẩy ngành trồng trọt phát triển.
- Là một mắt xích quan trọng trong sản xuất nông nghiệp bền vững.

2. Đặc điểm:

- Sự phát triển và phân bố ngành trồng trọt phụ thuộc chặt chẽ vào cơ sở thức ăn
- Cây trồng được chia thành các nhóm: cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp, cây ăn quả...

- Việc bảo quản sản phẩm của ngành trồng trọt đòi hỏi nhiều về đầu tư và công nghệ
- Ngành trồng trọt ngày càng gắn chặt với sự tiến bộ của khoa học-công nghệ

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Cá nhân

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Giáo viên cho học sinh đọc SGK liên hệ thực tế trả lời câu hỏi:
Nêu vai trò của ngành chăn nuôi?

Thực hiện nhiệm vụ: HS tự nghiên cứu trả lời, ghi câu trả lời vào tập.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS báo cáo vòng tròn. HS có thể bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức.

Nhiệm vụ 2: Cặp đôi

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các cặp, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân:

+ Nêu đặc điểm của ngành chăn nuôi?

+ Tại sao ở phần lớn các nước đang phát triển, ngành chăn nuôi chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu giá trị sản xuất NN?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận cặp đôi và hoàn thành nhiệm vụ
- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho 1 cặp đôi báo cáo ngẫu nhiên. HS có thể bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức.

Nhiệm vụ 3: cá nhân/cặp đôi

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

1, GV tổ chức trò chơi Ai tinh mắt, yêu cầu HS quan sát hình 24.6, nêu sự phân bố của bò, trâu, lợn, cừu, dê, gia cầm? Ai nhanh và đúng nhất sẽ được cộng điểm

2, Giải thích tại sao có sự phân bố như vậy?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát bản đồ, thảo luận cặp để hoàn thành nhiệm vụ học tập
- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho 1 cặp đôi báo cáo ngẫu nhiên. HS có thể bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức.

Hoạt động 3: Luyện tập (Nhóm/7 phút)

a. Mục tiêu

- củng cố kiến thức bài học
- Phát triển năng lực tư duy, giao tiếp

b. Nội dung

- HS trả lời câu hỏi cho tình huống được đặt ra

c. Sản phẩm

- Dự kiến câu trả lời của học sinh.
- + Một số cây trồng, vật nuôi ở vùng nhiệt đới: lúa gạo, cao su cà phê, bò, lợn, gà, vịt.....

+ Ngành chăn nuôi có vai trò đối với sự phát triển ngành trồng trọt và các ngành công nghiệp thực phẩm, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng:

Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người, nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến. Là cơ sở để phát triển chăn nuôi và là mặt hàng xuất khẩu có giá trị

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt vấn đề:

+ Nêu một số cây trồng, vật nuôi ở vùng nhiệt đới

+ Ngành chăn nuôi phát triển có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển ngành trồng trọt và các ngành công nghiệp thực phẩm, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS xung phong trả lời câu hỏi.

- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả, tổng kết hoạt động.

Hoạt động 4: Vận dụng (1 phút)

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập ở nhà theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời cho yêu cầu được đưa ra ở mục tổ chức thực hiện.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv giao nhiệm vụ cho Hs:

Sưu tầm thông tin, tìm hiểu tình hình phát triển nông nghiệp ở một đất nước có nền sản xuất nông nghiệp tiên tiến

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS về nhà thực hiện nhiệm vụ, ghi lại thông tin, nếu có thể thiết kế thành clip ngắn càng tốt.

- **Báo cáo, kết luận:** thực hiện vào tiết thực hành.

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỀN
NGƯỜI DẠY: NGUYỄN THỊ LINH
LỚP DẠY: 10/3,7,8,9
THỜI GIAN: TUẦN 24

TIẾT 48- Bài 25: ĐỊA LÍ NGÀNH LÂM NGHIỆP VÀ NGÀNH THỦY SẢN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- + Trình bày được vai trò, đặc điểm ngành lâm nghiệp và thủy sản.
- + Trình bày được tình hình phát triển của ngành lâm nghiệp và thủy sản
- + Vận dụng kiến thức giải thích được tình hình sản xuất của ngành lâm nghiệp và thủy sản trên thế giới.
- + Đọc được bản đồ diện tích rừng trên thế giới và sản lượng gỗ tròn của một số nước và bản đồ sản lượng thủy sản trên thế giới năm 2019 .

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung:

❖ Tự học tự chủ:

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp.
- Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.

❖ Giao tiếp hợp tác:

- Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá các vấn đề.
- Biết chủ động trong giao tiếp, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.

❖ Sử dụng CNTT và truyền thông: Có thể sử dụng các phương tiện công nghệ để hỗ trợ tìm kiếm thông tin liên quan đến nội dung bài học

b. Năng lực địa lí

❖ Nhận thức khoa học địa lí:

- + Trình bày được vai trò, đặc điểm ngành lâm nghiệp và thủy sản.
- + Trình bày được tình hình phát triển của ngành lâm nghiệp và thủy sản.

❖ Tìm hiểu địa lí:

Đọc được bản đồ diện tích rừng trên thế giới và sản lượng gỗ tròn của một số nước và bản đồ sản lượng thủy sản trên thế giới năm 2019 Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:

❖ Vận dụng kiến thức: giải thích được tình hình sản xuất của ngành lâm nghiệp và thủy sản trên thế giới.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập vận dụng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Bài giảng PPT

2. Học liệu

- Các hình ảnh trong SGK.
- Sách giáo khoa.
- Tài liệu tham khảo có liên quan đến bài học.
- Giấy A4, băng keo 2 mặt.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu - 5 phút

a. Mục tiêu

- Giúp cho hứng thú khi vào bài mới
- Rèn luyện kỹ năng khai thác tranh ảnh.

b. Nội dung:

- Trò chơi “ AI TINH MẮT”

c. Sản phẩm

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV tổ chức trò chơi “ Ai tinh mắt”, trong vòng 3 phút tìm từ khóa về chủ đề rừng, thủy sản
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ trả lời
- **Báo cáo, thảo luận:** Hs trả lời, Hs khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả, dẫn dắt vào bài.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu ngành lâm nghiệp.

(Cá nhân/ khai thác trực quan/15 phút)

a. Mục tiêu

- + Trình bày được vai trò, đặc điểm ngành lâm nghiệp
- + Trình bày được hoạt động trồng rừng và khai thác rừng.

b. Nội dung

- HS hoạt động cá nhân/cặp đôi/nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập

c. Sản phẩm

1. Địa lí ngành lâm nghiệp

a. Vai trò

- + Cung cấp lâm sản phục vụ cho các nhu cầu của xã hội (gỗ, nguyên liệu ngành giấy, thực phẩm, dược liệu....)
- + Bảo tồn đa dạng sinh học, chống xói mòn đất, điều tiết lượng nước trong đất, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai.
- + Tạo nguồn thu nhập và giải quyết việc làm, đặc biệt là cho người dân thuộc vùng trung du, miền núi
- + Góp phần đảm bảo phát triển bền vững.

b. Đặc điểm

- + Chu kì sinh trưởng dài và phát triển chậm là đặc điểm mang tính đặc thù của cây lâm nghiệp.
- + Hoạt động lâm nghiệp bao gồm: trồng rừng, khai thác và chế biến lâm sản, bảo vệ và bảo tồn hệ sinh thái rừng
- + Sản xuất diễn ra trong không gian rộng và trên địa bàn có điều kiện tự nhiên đa dạng.

c. Hoạt động trồng rừng và khai thác rừng.

- + Trồng rừng có ý nghĩa quan trọng
- + Diện tích rừng trồng trên thế giới tăng nhanh
- + Sản lượng khai thác gỗ hàng năm có xu hướng tăng, nhưng không đều giữa các nhóm nước.
- + các quốc gia có diện tích rừng trồng lớn nhất và sản lượng khai thác gỗ lớn nhất là: Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Hoa Kỳ....
- +

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Cặp đôi

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Giáo viên cho học sinh đọc SGK liên hệ thực tế trả lời câu hỏi:
Nêu vai trò của ngành lâm nghiệp? Lấy ví dụ
- Thực hiện nhiệm vụ:** HS tự nghiên cứu trả lời, ghi câu trả lời vào tập.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS báo cáo vòng tròn. HS có thể bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức.

Nhiệm vụ 2: Cá nhân

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các cặp, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân:
+ Nêu đặc điểm của ngành lâm nghiệp?
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận cặp đôi và hoàn thành nhiệm vụ

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho 1 cặp đôi báo cáo ngẫu nhiên. Hs có thể bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức.

Nhiệm vụ 3: cá nhân/cặp đôi

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 6 nhóm yêu cầu HS tìm hiểu SGK , quan sát hình 25.1 với kiến thức của bản thân hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP:

NHIỆM VỤ 1:

Ý nghĩa trồng rừng:.....

NHIỆM VỤ 2:

Quan sát hình 25.1 và bảng 25 hoàn thành chỗ chấm:

- + Xu hướng diện tích trồng rừng trên thế giới (tăng hay giảm).....
- + Xu hướng sản lượng khai thác gỗ trên thế giới (tăng hay giảm).....
- + Quốc gia có diện tích trồng rừng lớn nhất thế giới là:.....
- + Quốc gia có diện tích sản lượng khai thác gỗ lớn nhất thế giới là:.....
- + Nêu đặc điểm của ngành lâm nghiệp?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, thảo luận cặp đôi và hoàn thành nhiệm vụ
- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho 1 cặp đôi báo cáo ngẫu nhiên. Hs có thể bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu ngành thủy sản.

(Chuyên gia-mảnh ghép/khai thác trực quan/15 phút)

a. Mục tiêu

- + Trình bày được vai trò, đặc điểm ngành thủy sản
- + Trình bày được hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản.

b. Nội dung

- HS thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập

c. Sản phẩm

1. Địa lí ngành thủy sản

a. Vai trò

- + Đóng góp vào GDP ngày càng lớn
- + Nguồn cung cấp các chất đạm dễ tiêu hóa cho con người, cung cấp nguyên tố vi lượng dễ hấp thụ có lợi cho sức khỏe
- + Nguồn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm, dược phẩm và mặt hàng có giá trị xuất khẩu có giá trị
- + Giải quyết việc làm, bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia.
- + Vai trò khác: phụ phẩm ngành thủy sản là thức ăn cho chăn nuôi.

b. Đặc điểm

- + Mang tính mùa vụ, phụ thuộc nhiều nguồn nước và khí hậu
- + Sản xuất áp dụng công nghệ sản xuất theo chuỗi giá trị, góp phần nâng cao hiệu quả, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm
- + Sản xuất thủy sản bao gồm các hoạt động khai thác, chế biến và nuôi trồng vừa có tính chất của ngành sản xuất nông nghiệp, vừa có tính chất của ngành sản xuất công nghiệp.

c. Hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản.

- + Khai thác thủy sản là hoạt động đánh bắt các loài thủy sản, diễn ra ở biển và đại dương, nơi có các ngư trường lớn. Sản lượng khai thác thủy sản trên thế giới tăng nhanh. Các nước khai thác nhiều: Trung Quốc, Ấn Độ, Peru, Nhật Bản.....
- + Nuôi trồng thủy sản được chú trọng phát triển và có vị trí quan trọng.

Sản lượng nuôi trồng thủy sản xu hướng tăng nhanh. Các nước nuôi trồng thủy sản lớn nhất thế giới: Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Ai Cập, Na Uy, Nhật Bản.....

d. Tổ chức thực hiện

+ VÒNG CHUYÊN GIA

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 2 cụm mỗi cụm 3 nhóm chuyên gia nhận nhiệm vụ như sau

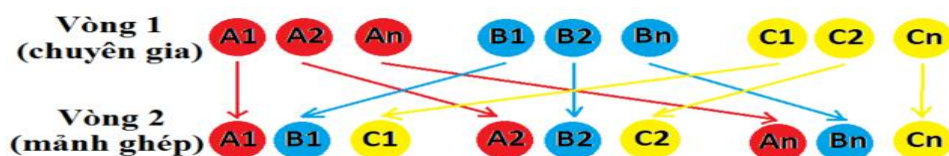
Nhóm 1: Tìm hiểu vai trò của ngành thủy sản. Lấy ví dụ

Nhóm 2: Tìm hiểu đặc điểm của ngành thủy sản.

Nhóm 3: Quan sát hình 25.2, đọc SGK mục c trình bày hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu thảo luận hoàn thành trong vòng 5 phút

+ **VÒNG MẢNH GHÉP:** Ở mỗi cụm, thành viên các nhóm tự đánh số cho cá nhân từ 1 đến 3, nếu dư ra lại xoay vòng về số 1. Sau khi các nhóm hoàn thành đánh số, học sinh sẽ di chuyển, các cá nhân số 1 gom thành 1 cụm, số 2 gom thành 1 cụm,... □ hình thành 3 nhóm mới.



- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV hình thành lớp mỗi cụm 3 nhóm mảnh ghép mới nhận nhiệm vụ như sau: Hoàn thành phiếu học tập trên giấy A3 trong vòng 5 phút

NỘI DUNG	CÂU TRẢ LỜI
Vai trò thủy sản	
Đặc điểm	

Hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản	
--	--

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu thảo luận hoàn thành trong vòng 5 phút

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi ngẫu nhiên thành viên nhóm lên báo cáo

+ Hs khác bổ sung nếu có

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh.

+ Gv chốt nội dung

Hoạt động 3: Luyện tập (7 phút)

a. Mục tiêu

- HS củng cố lại kiến thức bài học.

- Năng lực tự học: HS chủ động tham gia hoạt động học tập

- Chăm chỉ: Ham học, tích cực học tập.

- Tạo không khí vui vẻ, hào hứng học tập.

b. Nội dung

TRò chơi “AI NHANH HƠN”

c. Sản phẩm

1, Kể tên các nước có diện tích rừng lớn nhất?

1, Kể tên các nước có sản lượng gỗ tròn lớn nhất?

1, Kể tên các nước có sản lượng khai thác thủy sản lớn nhất?

1, Kể tên các nước có sản lượng nuôi trồng thủy sản lớn nhất?

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyên giao nhiệm vụ:** GV thông qua thẻ lệ trò chơi:

+ Cơ cấu điểm: câu hỏi lớn (4điểm), câu hỏi nhỏ gợi ý (1 điểm/câu).

+ Trả lời theo vòng tròn, nhóm đến lượt không trả lời được nhường quyền trả lời cho các nhóm còn lại và có quyền đoán câu đáp án câu hỏi lớn .

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm tiến hành chơi trò chơi trong vòng 5 phút.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi ngẫu nhiên Hs trả lời, Hs khác bổ sung nếu có.

- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả, tuyên dương các HS làm việc tích cực.

Hoạt động 4: Vận dụng (3 phút)

a. Mục tiêu

- Kiến thức: Vận dụng kiến thức liên hệ thực tiễn với Việt Nam

- Kỹ năng: giải quyết vấn đề

b. Nội dung:

c. **Sản phẩm:** Kết quả thực hành của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyên giao nhiệm vụ:** GV đặt vấn đề, giao nhiệm vụ.

Kể tên các nước nhập khẩu nhiều thủy sản của nước ta?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS về nhà thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày ở tiết học sau.

.....

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỀN
NGƯỜI DẠY: NGUYỄN THỊ LINH
LỚP DẠY: 10/3,7,8,9
THỜI GIAN: TUẦN 25

**TIẾT 49 - Bài 26. TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP,
MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI TRÊN THẾ GIỚI
VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
CHO TƯƠNG LAI**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được khái niệm và vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.
- Phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.
- Chỉ ra được những khó khăn trong việc phát triển nền nông nghiệp hiện đại, từ đó nêu các định hướng khắc phục.
- Trình bày được các định hướng phát triển của nền nông nghiệp thế giới trong tương lai. Lấy ví dụ chứng minh.
- Liên hệ được vấn đề tổ chức lãnh thổ nông nghiệp tại địa phương.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung:

❖ **Tự chủ và tự học:**

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp.
- Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.

❖ **Giao tiếp và hợp tác:**

- Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá các vấn đề.
- Biết chủ động trong giao tiếp, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.

❖ **Sử dụng CNTT và truyền thông**

- Có thể sử dụng các phương tiện công nghệ để hỗ trợ tìm kiếm thông tin liên quan đến nội dung bài học

❖ **Giải quyết vấn đề và sáng tạo**

- Chủ động giải quyết các vấn đề trong hoạt động nhóm, đề xuất cách giải quyết phát sinh trong hoạt động nhóm sáng tạo, khoa học.

b. Năng lực địa lí

❖ Nhận thức khoa học địa lí:

- Lấy được ví dụ về các loại hình tổ chức lãnh thổ nông nghiệp
- Lấy ví dụ về một biểu hiện của nền nông nghiệp hiện đại
- Phân tích được ảnh hưởng của môn Địa lí đối với việc định hướng nghề nghiệp trong tương lai của học sinh.

❖ Tìm hiểu địa lí

- Tìm hiểu các thông tin liên quan đến một mô hình nông nghiệp công nghệ cao của nước ta.

❖ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

- Xây dựng được một mô hình tổ chức lãnh thổ nông nghiệp theo kiến thức đã học.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập vận dụng.
- Nhân ái: tôn trọng các đặc thù riêng ngành nông nghiệp.
- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả của hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Trò chơi.
- Đoạn video tư liệu.
- Phần thưởng cho trò chơi (nếu có).

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, tập ghi chép.
- Giấy note

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu (Tình huống xuất phát) - 10 phút

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng khởi cho bài học, phát triển năng lực tư duy, giao tiếp, thống kê và khả năng liên kết kiến thức của học sinh.

b. Nội dung:

- Học sinh thực hiện trò chơi “CON SỐ MAY MẮN”

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

- **Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia nhóm và phổ biến luật chơi

❖ GV chia lớp thành 3 nhóm.

❖ Luật chơi:

- Có 6 con số, tương ứng điểm số.
- Mỗi nhóm chọn 1 con số với số điểm tương ứng.
- Thời gian trả lời: 20 giây.
- Nhóm nào trả lời không được sẽ nhường quyền trả lời cho nhóm khác.
- Nhóm có số điểm cao nhất – CHIẾN THẮNG

❖ CÂU HỎI

Câu 1 – 10 điểm: Lúa mì thuộc nhóm cây trồng nào?

Trả lời: Cây lương thực

Câu 2 – 10 điểm: Cây cà phê thuộc nhóm cây trồng nào?

Trả lời: Cây công nghiệp

Câu 3 – 10 điểm: Nông nghiệp gồm những ngành nào?

Trả lời: Trồng trọt – Chăn nuôi

Câu 4 – 20 điểm: Nông nghiệp phụ thuộc vào yếu tố nào?

Trả lời: Điều kiện tự nhiên

Câu 5 – 20 điểm: Mặt nước là tư liệu sản xuất của ngành nào?

Trả lời: Thủy sản

Câu 6 – 20 điểm: Nông nghiệp của thế giới đang phát triển theo hướng nào?

Trả lời: Nông nghiệp xanh

Câu 7 – 30 điểm: “Làm thay đổi sâu sắc cách thức sản xuất, tăng năng suất, sản lượng và giá trị nông sản” là do nhân tố nào?

Trả lời: Tiến bộ khoa học kỹ thuật

Câu 8 – 30 điểm: Làm tăng giá trị của nông sản là do nhân tố nào?

Trả lời: Công nghiệp chế biến

Câu 9 – 30 điểm: Điều tiết sản xuất, góp phần hình thành các vùng sản xuất chuyên môn hoá là do nhân tố nào?

Trả lời: Thị trường tiêu thụ

- **Bước 2** – Tiến hành trò chơi

- **Bước 3** – GV nhận xét sự tham gia trò chơi của các nhóm.

- **Bước 4** – Kết luận: GV nhận xét, tuyên dương nhóm về nhất và dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (30 phút)

NỘI DUNG 1: TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP (20 PHÚT)

a. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm và vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.
- Phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

b. Nội dung

- Nhiệm vụ 1: Học sinh trình bày được khái niệm và vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.
- Nhiệm vụ 2: Học sinh phân biệt được vai trò và đặc điểm của một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

c. Sản phẩm

- Nội dung trả lời câu hỏi của HS.

NỘI DUNG KIẾN THỨC

1. TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP

a. Khái niệm và vai trò

- Khái niệm: Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp là sự sắp xếp và phối hợp các đối tượng nông nghiệp trên một lãnh thổ cụ thể nhằm sử dụng hợp lý nhất các tiềm năng tự nhiên, kinh tế, lao động để đem lại hiệu quả cao về mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

- Vai trò:

- + Thúc đẩy chuyên môn hóa trong SX nông nghiệp.
- + Góp phần sử dụng hiệu quả, hiệu quả tài nguyên.
- + Hạn chế tác động của tự nhiên đến nông nghiệp.
- + Góp phần bảo vệ môi trường.

b. Các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp

d. Tổ chức thực hiện

- ❖ Nhiệm vụ 1: Học sinh trình bày được khái niệm và vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

- **Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc mục 1 – SGK (Tr 76) trả lời các câu hỏi:

- Khái niệm của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.
- Trình bày vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

- **Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận nhiệm vụ và nghiên cứu SGK.

- **Bước 3 - Báo cáo, thảo luận:** GV chỉ định HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét bổ sung.

- **Bước 4 - Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chốt kiến thức

- ❖ Nhiệm vụ 2: Học sinh phân biệt được vai trò và đặc điểm của một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

- **Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS nghiên cứu bảng 26,

- ✓ Phân biệt vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.
- ✓ Lấy ví dụ để phân biệt các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.
- **Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghiên cứu và thảo luận với nhau để thống nhất ý kiến.
- **Bước 3 - Báo cáo, thảo luận:** Gv gọi một HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét và bổ sung.
- **Bước 4 - Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, tuyên dương học sinh hoàn thành tốt nhiệm vụ; chốt kiến thức.

NỘI DUNG 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NỀN NÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THẾ GIỚI TRONG TƯƠNG LAI (10 PHÚT)

a. Mục tiêu

- Biết được những khó khăn trong việc phát triển nền nông nghiệp hiện đại, từ đó nêu các định hướng khắc phục.
- Trình bày được các định hướng phát triển của nền nông nghiệp thế giới trong tương lai. Lấy ví dụ chứng minh.
- Liên hệ được vấn đề tổ chức lãnh thổ nông nghiệp tại địa phương.

b. Nội dung

- Nhiệm vụ 1: Học sinh trình bày được một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại thế giới.
- Nhiệm vụ 2: Học sinh phân biệt được vai trò và đặc điểm của một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

c. Sản phẩm:

- Nội dung trả lời câu hỏi của HS.

NỘI DUNG KIẾN THỨC

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NỀN NÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THẾ GIỚI TRONG TƯƠNG LAI

a. Một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại thế giới

- Khó khăn trong sản xuất nông nghiệp hiện nay: thu hẹp diện tích đất canh tác, tác động của biến đổi khí hậu, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật gây thoái đất, ô nhiễm môi trường...
- Hướng khắc phục:
 - + Hình thành cánh đồng lớn để tăng qui mô sản xuất nông nghiệp.
 - + Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.
 - + Tăng cường hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp.

b. Định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai

- Phát triển nông nghiệp ứng với biến đổi khí hậu.
- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng KH – CN.
- Phát triển nông nghiệp xanh.

d. Tổ chức thực hiện

❖ **Nhiệm vụ 1:** Học sinh trình bày được một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại thế giới.

- **Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ: HS đọc SGK để và trả lời các câu hỏi.

- Nêu các khó khăn trong sản xuất nông nghiệp hiện nay.
- Trình bày các hướng khắc phục khó khăn của nền nông nghiệp hiện đại của thế giới. Lấy ví dụ chứng minh.
- Lấy một ví dụ về biểu hiện nông nghiệp hiện đại ở địa phương.

- **Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc SGK và suy nghĩ, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian 5 phút.

- **Bước 3 - Báo cáo, thảo luận:** Hết thời gian, GV chỉ định đại diện học sinh trình bày kết quả làm việc của nhóm. Nhóm khác bổ sung

- **Bước 4 - Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, kết quả làm việc của các nhóm và tổng hợp kiến thức.

❖ **Nhiệm vụ 2:** Học sinh phân biệt được vai trò và đặc điểm của một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

- **Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi: Nêu các định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.

- **Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc SGK để trả lời câu hỏi.

- **Bước 3 - Báo cáo, thảo luận:** Hết thời gian, GV chỉ định học sinh trình bày nhanh câu trả lời của cá nhân, HS khác bổ sung.

- **Bước 4 - Kết luận, nhận định:** GV nhận xét kết quả làm việc của học sinh, GV tổng hợp kiến thức.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (4 phút)

a. Mục tiêu:

- củng cố lại kiến thức bài học

b. Nội dung

- GV tổ chức trò chơi ngắn, HS tham gia trò chơi để củng cố bài học.
- Trò chơi: ĐI TÌM MỘT NỬA

c. Sản phẩm

- Kết quả ghép nối kiến thức của trò chơi.

- Bộ thẻ: (GV cắt nhỏ các ô rời ra)

Vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	Phát triển nông nghiệp xanh.
Định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai	Vùng nông nghiệp
Biện pháp khắc phục các khó khăn trong nông nghiệp	Mục đích chủ yếu là sản xuất nông sản hàng hoá
Trang trại có đặc điểm	Góp phần sử dụng hiệu quả, hiệu quả tài nguyên.
Hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp cao nhất là	Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyên giao nhiệm vụ:**

+ GV giới thiệu thẻ lệ trò chơi: Mỗi nhóm HS (5 người) nhận 1 bộ thẻ ghép nối gồm 2 màu - thẻ xanh và thẻ hồng, trong thời gian 2 phút ghép thành các cặp thẻ theo nội dung tương ứng, khi có 1 nhóm hoàn thành trước thì trò chơi kết thúc và nhóm hoàn thành sẽ được điểm cộng.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện trò chơi.

- **Báo cáo, thảo luận:** Nhóm hoàn thành trò chơi đầu tiên báo cáo kết quả. Các nhóm còn lại nhận xét.

- **Kết luận, nhận định:** GV kiểm tra, đánh giá kết quả, tích điểm cộng cho nhóm hoàn thành xuất sắc.

4. Hoạt động 4: Vận dụng (1 phút)

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập ở nhà theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời cho yêu cầu được đưa ra ở mục tổ chức thực hiện.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyên giao nhiệm vụ:** Tìm hiểu về một mô hình nông nghiệp công nghệ cao ở nước ta

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS về nhà tìm hiểu, ghi lại câu trả lời, sẽ báo cáo vào tiết học sau.

IV. PHỤC LỤC

1. Clip Mô hình trang trại tổng hợp có giá trị cao:

<https://www.youtube.com/watch?v=BJuGjFnv4ZE>

2. Hình ảnh về trang trại ở Việt Nam



.....
 TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỀN
 NGƯỜI DẠY: NGUYỄN THỊ LINH
 LỚP DẠY: 10/3,7,8,9
 THỜI GIAN: TUẦN 25

TIẾT 50- Bài 27

THỰC HÀNH: VẼ VÀ NHẬN XÉT BIỂU ĐỒ VỀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CỦA THẾ GIỚI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Tính được cơ cấu sản lượng lương thực thế giới năm 2000 và 2019.
- Vẽ được biểu đồ thể hiện quy mô và cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và 2019.
- Nhận xét sự thay đổi quy mô và cơ cấu sản lượng lương thực thế giới năm 2019 so với năm 2000

2. Về năng lực:

❖ Tự học tự chủ:

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp.
- Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.

❖ Năng lực giao tiếp:

- Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá các vấn đề.
- Biết chủ động trong giao tiếp, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.

❖ Tự học giải quyết vấn đề và sáng tạo:

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.

❖ Sử dụng CNTT và truyền thông

- Có thể sử dụng các phương tiện công nghệ để hỗ trợ tìm kiếm thông tin liên quan đến nội dung bài học

b. Năng lực địa lí

❖ Nhận thức khoa học địa lí:

- Tính được cơ cấu sản lượng lương thực trên thế giới.
- Nhận xét được sự thay đổi quy mô và cơ cấu sản lượng lương thực thế giới năm 2019 và 2000.

❖ Tìm hiểu địa lí

- Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi quy mô và cơ cấu sản lượng lương thực thế giới năm 2019 so với năm 2000.

❖ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

- Vẽ được biểu đồ quy mô và cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và năm 2019.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công.
- Nhân ái: Tôn trọng các đặc thù riêng ngành nông nghiệp.
- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả của hoạt động nhóm và bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Giấy khổ lớn, bút lông, nam châm gắn bảng, phiếu học tập.
- Phần thưởng cho trò chơi (nếu có).

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, tập ghi chép.
- Giấy note

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu (Tình huống xuất phát) - 10 phút

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng khởi cho bài học, phát triển năng lực tư duy, giao tiếp, thống kê và khả năng liên kết kiến thức của học sinh.
- Kiểm tra kiến thức nền tảng về bài học của học sinh, tạo tình huống vào bài.

b. Nội dung:

- Học sinh tham gia trò chơi.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của học sinh trên giấy note.

d. Tổ chức thực hiện

- Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm và phổ biến luật chơi

- Một gói có 3 câu hỏi.
- Nhóm HS lần lượt gói câu hỏi để trả lời
- Điểm số: 10 điểm/1 gói câu hỏi.
- Trả lời câu hỏi sau khi hết giờ.
- Thời gian: 1 phút/1 gói câu hỏi.

❖ Gói 1

Câu 1: Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là

Trả lời: Cây trồng và vật nuôi

Câu 2: Cây lương thực có đặc điểm sinh thái phù hợp với khí hậu vùng ôn đới?

Trả lời: Lúa mì

Câu 3: Để đẩy mạnh thâm canh trong sản xuất nông nghiệp cần phải

Trả lời: Duy trì, nâng cao độ phì cho đất

❖ Gói 2

Câu 1: Tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế trong nông nghiệp là

Trả lời: Đất trồng

Câu 2: Ưa khí hậu nóng ẩm, ngập nước, đất phù sa là đặc điểm sinh thái của

Trả lời: Lúa gạo

Câu 3: Cây trồng và vật nuôi sinh trưởng và phát triển theo quy luật nào?

Trả lời: Quy luật sinh học

❖ Gói 3

Câu 1: Sản xuất nông nghiệp chủ yếu phụ thuộc vào

Trả lời: Điều kiện tự nhiên

Câu 2: Phân bố được ở miền nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới nóng là

Trả lời: Cây ngô

Câu 3: Trong nông nghiệp, thời gian sản xuất dài hơn thời gian lao động để tạo ra sản phẩm, đây là nguyên nhân gây ra

Trả lời: Tính mùa vụ

❖ Gói 4

Câu 1: Phát triển các vùng chuyên môn hoá nông nghiệp và đẩy mạnh CN chế biến là biểu hiện của

Trả lời: Nền nông nghiệp SX hàng hoá

Câu 2: Ưa nhiệt, ẩm, không chịu được gió bão, thích hợp đất ba dan là đặc điểm sinh thái của

Trả lời: Cây cao su

Câu 3: Cây trồng và vật nuôi chỉ tồn tại và phát triển khi có đủ 5 yếu tố cơ bản nào?

Trả lời: Nhiệt độ, nước, ánh sáng, không khí, dinh dưỡng

- **Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ:** Tiến hành trò chơi.

- **Bước 3** – GV nhận xét thái độ tham gia trò chơi của học sinh

- **Bước 4 - Kết luận:** GV tổng kết, ghi điểm cho các nhóm học sinh.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (30 phút)

NỘI DUNG 1: TÍNH CƠ CẤU SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI NĂM 2000 VÀ 2019 (8 PHÚT)

a. Mục tiêu

- Rèn luyện kỹ năng tính toán cơ cấu sản lượng lương thực thế giới

b. Nội dung

- HS dựa bảng số liệu 27 để tính toán cơ cấu sản lượng lương thực thế giới

c. Sản phẩm

- Kết quả tính toán của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

- **Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:**

➤ GV cung cấp công thức tính cơ cấu

➤ Yêu cầu HS làm việc cá nhân để thành lập được bảng số liệu CƠ CẤU SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI NĂM 2000 - 2019

- **Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân, tính toán và thành lập bảng số liệu mới.

- **Bước 3 – Báo cáo, thảo luận:** GV thành lập khung bảng số liệu cơ cấu lên bảng, gọi 1 học sinh lên bảng điền kết quả tính toán vào bảng số liệu. GV yêu cầu cả lớp đối chiếu kết quả trên bảng so với kết quả tính toán của mình.

- **Bước 4 – Kết luận, nhận định:** GV nhận xét thái độ làm việc của học sinh và chuẩn kiến thức.

BẢNG. CƠ CẤU SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CỦA THẾ GIỚI

NĂM 2000 VÀ NĂM 2019 (Đơn vị: %)

Loại cây	Năm 2000	Năm 2019
Lúa gạo	29,1	24,6
Lúa mì	28,4	24,9
Ngô	28,8	37,3
Cây lương thực	13,7	13,2
Tổng số	100	100

NỘI DUNG 2: VẼ BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN QUY MÔ VÀ CƠ CẤU SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI NĂM 2000 VÀ 2019 (18 PHÚT)

a. Mục tiêu

- Rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ tròn

b. Nội dung

- Nêu các bước vẽ biểu đồ.
- Cách tính bán kính hình tròn để thể hiện quy mô.
- HS vẽ biểu đồ thể hiện quy mô và cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và 2019.

c. Sản phẩm

- Biểu đồ quy mô và cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và 2019

NỘI DUNG KIẾN THỨC

1. Các bước vẽ biểu đồ

- Bước 1: Xác định biểu đồ.
- Bước 2: Xử lý số liệu (nếu cần)
- Bước 3: Vẽ biểu đồ (chính xác, khoa học, thẩm mỹ).
- Bước 4: Hoàn thiện biểu đồ (tên BD và chú thích)
- Bước 5: Nhận xét biểu đồ

2. Tính bán kính hình tròn để thể hiện quy mô.

- Gọi giá trị của năm thứ 1 ứng với hình tròn có diện tích S_1 và bán kính R_1

=> Cho $R_1 = 1$ đvbk

- Gọi giá trị của năm thứ 2 ứng với hình tròn có diện tích S_2 và bán kính R_2

=> Công thức tính tương quan bán kính của hình tròn qua các năm (địa điểm) như sau:

$$R_2 = R_1 \sqrt{\frac{S_2}{S_1}} \dots = \text{cm}$$

3. Vẽ biểu đồ tròn: Thể hiện quy mô, cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và năm 2019.

*Cách vẽ:

- Vẽ 2 hình tròn có kích thước lớn nhỏ khác nhau để thể hiện quy mô sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và năm 2019.

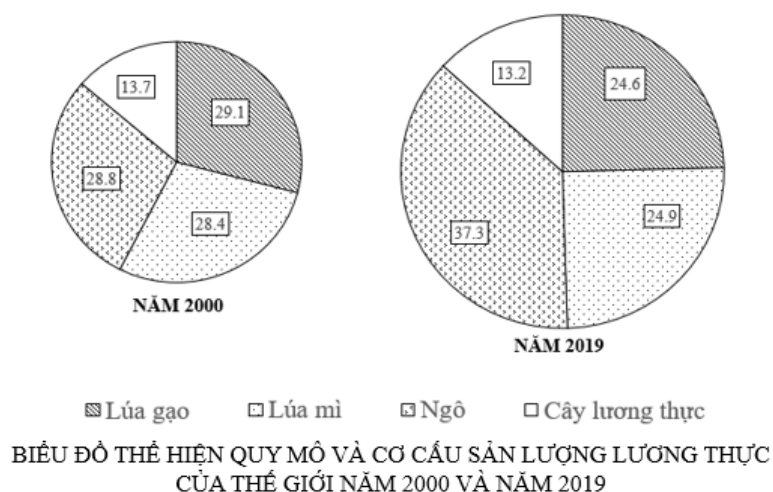
- Trên mỗi hình tròn, lấy kim 12h làm chuẩn, vẽ theo chiều kim đồng hồ.

*Chú ý:

- Tên biểu đồ đầy đủ 3 yếu tố thể hiện: Cái gì, khi nào, ở đâu.

- Chú ý tỉ lệ chính xác, ghi số liệu vào biểu đồ, chú thích rõ ràng.

* Vẽ biểu đồ:



d. Tổ chức thực hiện

- **Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS: HÃY NÊU CÁC BƯỚC VẼ BIỂU ĐỒ
- Tính bán kính hình tròn để thể hiện quy mô.
- Vẽ biểu đồ tròn thể hiện quy mô, cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và năm 2019.

- **Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ

- **Bước 3 – Báo cáo, thảo luận:** GV yêu cầu 1 hoặc 2 HS lên bảng thực hiện nhiệm vụ (cả lớp làm vào vở).

- **Bước 4 – Kết luận, nhận định:** GV nhận xét thái độ làm việc của học sinh, các HS khác nhận xét sản phẩm của các HS trên bảng. GV cho điểm sản phẩm để động viên và khuyến khích HS.

NỘI DUNG 3: NHẬN XÉT SỰ THAY ĐỔI QUY MÔ VÀ CƠ CẤU SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI NĂM 2000 VÀ 2019 (5 PHÚT)

a. Mục tiêu

- Rèn luyện kỹ năng nhận xét biểu đồ tròn

b. Nội dung

- Nhận xét quy mô và cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và 2019

c. Sản phẩm

- Câu trả lời của HS

NỘI DUNG KIẾN THỨC

3. Nhận xét quy mô, cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và năm 2019.

***Quy mô:**

- Quy mô tổng sản lượng lương thực của toàn thế giới tăng nhanh: Tổng sản lượng lương thực tăng từ 2058,7 triệu tấn (năm 2000) lên 3075,9 triệu tấn (2019)
=> tăng 1017,2 triệu tấn, tăng 1,5 lần.

- Sản lượng các loại cây lương thực đều tăng với tốc độ khác nhau

+ Lúa gạo tăng 156,8 triệu tấn, tăng 1,26 lần.

+ Lúa mì tăng 180,8 triệu tấn, tăng 1,3 lần.

+ Ngô tăng 556,5 triệu tấn, tăng 1,94 lần.

+ Các loại cây lương thực khác tăng 123,1 triệu tấn, tăng 1,43 lần.

=> Loại cây tăng nhanh nhất là cây ngô.

***Cơ cấu**

- Cơ cấu sản lượng cây lương thực có sự khác nhau giữa các loại cây.

+ Năm 2000, chiếm tỉ trọng cao nhất là cây lúa gạo với 29,1%; sau đó là cây ngô 28,8% và cây lúa mì 28,3%.

+ Năm 2019, chiếm tỉ trọng cao nhất là cây ngô 37,3%, sau đó là cây lúa mì 24,9% và cây lúa gạo 24,6%.

- Cơ cấu sản lượng lương thực của toàn thế giới năm 2019 có sự thay đổi so với năm 2000.

+ Giảm tỉ trọng sản lượng cây lúa gạo, lúa mì và các loại cây khác.

+ Tăng tỉ trọng sản lượng cây ngô.

d. Tổ chức thực hiện

- Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:

- **YÊU CẦU:** GV yêu cầu HS dựa vào biểu đồ và bảng số liệu để nhận xét quy mô, cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và năm 2019.
- **HÌNH THỨC:** Cặp đôi/cá nhân
- **THỜI GIAN:** 3 phút

- Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ: HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghiên cứu và thảo luận cặp đôi để thống nhất đáp án.

- Bước 3 – Báo cáo, thảo luận: GV gọi 1 HS bất kì trình bày kết quả của mình, HS khác bổ sung.

- Bước 4 – Kết luận, nhận định: GV nhận xét thái độ làm việc của học sinh, GV chuẩn kiến thức.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (3 phút)

a. Mục tiêu

- củng cố kiến thức bài học
- Phát triển năng lực tư duy sáng tạo

b. Nội dung: Giải thích tại sao sản lượng cây lương thực của thế giới tăng nhanh?

c. Sản phẩm

- Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ, cá nhân học sinh thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ: GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề.

- Báo cáo, thảo luận: GV gọi 2 học sinh trả lời, đối chiếu kết quả.

- Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả, tuyên dương các HS làm việc tích cực.

4. Hoạt động 4: Vận dụng (1 phút)

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học

b. Nội dung: Với bảng số liệu 27, để so sánh sản lượng các loại cây lương thực, biểu đồ nào là thích hợp nhất?

c. Sản phẩm: Kết quả tìm kiếm câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ.

- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

- Báo cáo, thảo luận: HS xung phong trả lời câu hỏi.

- Kết luận, nhận định: GV đánh giá, tổng kết hoạt động.

=====